

Số: 44/NQ-HĐND

Thuận Châu, ngày 10 tháng 11 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**Giao bổ sung dự toán kinh phí năm 2020 cho
các cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU
KHOÁ XX, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ 4**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 17/12/2019 của HĐND huyện Thuận Châu về dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2020; Quyết định số 3386/QĐ-UBND ngày 17/12/2019 của UBND huyện Thuận Châu ban hành quy định về quản lý, điều hành ngân sách địa phương năm 2020; Quyết định số 294/QĐ-UBND ngày 19/02/2019 của UBND huyện Thuận Châu về việc điều chỉnh phương án phân bổ và giao bổ sung kinh phí từ nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2018 chuyển nguồn sang năm 2019 cho các cơ quan, đơn vị để thực hiện các nhiệm vụ; Quyết định số 679/QĐ-UBND ngày 03/3/2020 của UBND huyện Thuận Châu về việc chuyển nguồn kinh phí ngân sách huyện chưa thực hiện năm 2019 sang năm 2020 (đợt 2); Quyết định số 3517/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND huyện Thuận Châu về việc thu hồi về ngân sách huyện kinh phí huấn luyện dân quân tự vệ đã giao cho UBND các xã, thị trấn năm 2020;

Xét Tờ trình số 583/TTr-UBND ngày 29/10/2020 của UBND huyện Thuận Châu; Báo cáo thẩm tra số 14/BC-KTXH ngày 09/11/2020 của Ban kinh tế - xã hội HĐND huyện; tổng hợp ý kiến thảo luận và biểu quyết của các Đại biểu HĐND huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Giao bổ sung dự toán kinh phí năm 2020 cho các cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn.

1. Tổng dự toán kinh phí giao bổ sung là: **3.677.737.000** đồng (Bằng chữ: Ba tỷ, sáu trăm bảy mươi bảy triệu, bảy trăm ba mươi bảy nghìn đồng chẵn).

Trong đó:

1.1. Ban chỉ huy quân sự huyện để thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng năm 2020, số tiền: 393.385.000 đồng.

1.2. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện để thực hiện công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu, số tiền: 500.000.000 đồng.

- 1.3. UBND các xã, thị trấn, tổng số tiền: 2.784.352.000 đồng. Bao gồm:
- Kinh phí làm đường giao thông nông thôn theo Nghị quyết số 77/2018/NQ-HĐND của HĐND tỉnh, số tiền: 467.778.000 đồng.
 - Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ, số tiền: 1.241.574.000 đồng.
 - Kinh phí khen thưởng đối với xã, bản đạt tiêu chuẩn không có ma túy trong 3 năm liên tiếp giai đoạn 2017 - 2019, số tiền: 675.000.000 đồng.
 - Kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, thị trấn theo Thông tư số 193/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính, số tiền: 400.000.000 đồng.

2. Nguồn kinh phí:

2.1. Kinh phí thu hồi của các xã, thị trấn Quyết định số 3517/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND huyện, số tiền: 393.385.000 đồng.

2.2. Nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2020, số tiền: 467.778.000 đồng.

2.3. Nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2017 chuyển nguồn tại Quyết định số 679/QĐ-UBND ngày 03/3/2020 của UBND huyện, số tiền: 500.000.000 đồng.

2.4. Giao tại Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 17/12/2019 của HĐND huyện là: 2.316.574.000 đồng, bao gồm:

- Nguồn giảm trừ kinh phí CCTL từ nguồn tăng thu và kinh phí CCTL còn dư theo kết luận của kiểm toán nhà nước để thực hiện tiền lương 1,49, số tiền: 1.241.574.000 đồng.
- Kinh phí bốn không ma túy, số tiền: 675.000.000 đồng.
- Kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, thị trấn theo Thông tư 193/2014/TT-BTC, số tiền: 400.000.000 đồng.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. HĐND huyện giao UBND huyện chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết đảm bảo tuân thủ theo đúng Luật NSNN và các quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Giao Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các vị Đại biểu HĐND huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được HĐND huyện Thuận Châu khoá XX, kỳ họp chuyên đề lần thứ 4 thông qua ngày 10 tháng 11 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày thông qua.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Thường trực Huyện uỷ;
- Thường trực HĐND, UBND huyện;
- UBMT Tổ quốc Việt Nam huyện;
- Các Ban HĐND và Đại biểu HĐND huyện khoá XX;
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- Các cơ quan, đơn vị trong huyện;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, D.Trung 120b.

CHỦ TỊCH



Thào A Súa

PHỤ LỤC

Giao bổ sung dự toán kinh phí năm 2020 cho các cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn

(Kèm theo Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 10/11/2020 của Hội đồng nhân dân huyện Thuận Châu)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Đơn vị	Nội dung	Kinh phí bổ sung	Nguồn	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
1	Ban chỉ huy quân sự	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng năm 2020	393.385.000	Kinh phí thu hồi của các xã, thị trấn Quyết định số 3517/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND huyện	
2	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện	Kinh phí thực hiện công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu	500.000.000	Nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2017 chuyển nguồn tại Quyết định số 679/QĐ-UBND ngày 03/3/2020 của UBND huyện	
3	UBND các xã, thị trấn	Kinh phí làm đường giao thông nông thôn theo Nghị quyết số 77/2018/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	467.778.000	Nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2020	
		Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ	1.241.574.000	Nguồn giảm trừ kinh phí CCTL từ nguồn tăng thu và kinh phí CCTL còn dư theo kết luận của kiểm toán nhà nước để thực hiện tiền lương 1,49 giao tại Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 17/12/2019 của HĐND huyện	
		Kinh phí khen thưởng đối với xã, bản đạt tiêu chuẩn không có ma túy trong 3 năm liên tiếp giai đoạn 2017 - 2019	675.000.000	Kinh phí bốn không ma túy giao tại Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 17/12/2019 của HĐND huyện	
		Kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, thị trấn theo Thông tư số 193/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính	400.000.000	Kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã,thị trấn theo Thông tư 193/2014/TT-BTC giao tại Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 17/12/2019 của HĐND huyện	
Tổng cộng			3.677.737.000		

PHỤ LỤC

**Giao bổ sung kinh phí thực hiện làm đường giao thông nông thôn
theo Nghị quyết số 77/2018/NQ-HĐND ngày 04/4/2018 của HĐND tỉnh năm 2020**

(Kèm theo Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 10/11/2020 của Hội đồng nhân dân huyện Thuận Châu)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên xã/Tuyến đường	Tổng dự toán	Trong đó		Tổng kinh phí giao bổ sung	Trong đó				Ghi chú
			Vốn nhà nước hỗ trợ	Nhân dân đóng góp		Hỗ trợ tiền làm nền	Chi phí quản lý dự án	Chi phí tư vấn	Tiền mua vật liệu (xi măng)	
A	B	1	2	3	4=5+6+7	5	6	7	8	C
I	Xã Tông Lạnh	363,472	114,382	249,090	114,382	18,330	1,222	3,055	91,775	
1	Đường giao thông nội bản Lạnh	363,472	114,382	249,090	114,382	18,330	1,222	3,055	91,775	
II	Xã Phổng Lãng	1.553,634	438,498	1.115,136	25,700	25,700	-	-	-	
1	Đường Quốc lộ 6 - bản Nà Thái (bổ sung)	1.553,634	438,498	1.115,136	25,700	25,700	-	-	-	
III	Xã Mường É	3.277,010	840,855	2.436,155	93,480	93,480	-	-	-	
1	Đường nội bản Cang Kéo	1.604,027	388,077	1.215,950	45,000	45,000				
2	Đường nội bản Tốc Nưa	1.672,983	452,778	1.220,205	48,480	48,480				
IV	Xã Tông Cọ	2.471,724	790,930	1.680,795	145,956	109,440	4,296	32,220	-	
1	Đường nội bộ bản Phé C (bổ sung)	746,982	237,773	509,209	45,850	36,500	1,100	8,250		
2	Đường giao thông bản Huổi Táp (bổ sung)	455,598	113,072	342,526	13,870	10,300	0,420	3,150		
3	Đường giao thông bản Búa Có (bổ sung)	1.023,176	308,253	714,923	76,883	56,670	2,378	17,835		
4	Đường trục chính cầu bản Hình - Nhà văn hóa bản Hình (bổ sung)	48,407	14,516	33,891	2,632	1,680	0,112	0,840		
5	Đường vào trường THCS xã Tông Cọ	197,561	117,315	80,247	6,721	4,290	0,286	2,145		
V	Xã Chiềng Pha	1.270,857	369,440	901,418	88,260	69,900	2,160	16,200	-	
1	Đường giao thông Quốc lộ 6 - bản Tạng Phát (bổ sung)	1.270,857	369,440	901,418	88,260	69,900	2,160	16,200		
	Tổng cộng	8.936,698	2.554,104	6.382,593	467,778	316,850	7,678	51,475	91,775	

PHỤ LỤC

Giao bổ sung kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ

(Kèm theo Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 10/11/2020 của Hội đồng nhân dân huyện Thuận Châu)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên xã	Kinh phí trợ cấp lần đầu đối với cán bộ, công chức xã	Kinh phí trợ cấp một lần đối với cán bộ, công chức xã	Tổng kinh phí bổ sung	Ghi chú
1	2	3	4	5=3+4	6
1	Chiềng Pắc	40.900.000		40.900.000	
2	Liệp Tè	27.800.000		27.800.000	
3	Tông Lạnh	39.000.000		39.000.000	
4	Bó Mươi	26.900.000		26.900.000	
5	Chiềng La	23.000.000		23.000.000	
6	Chiềng Ngàm	55.600.000		55.600.000	
7	Mường É	26.900.000		26.900.000	
8	Phổng Lãng	52.900.000		52.900.000	
9	Púng Tra	75.400.000		75.400.000	
10	Tông Cọ	40.900.000		40.900.000	
11	Chiềng Bôm	68.600.000		68.600.000	
12	Bản Lầm	101.000.000		101.000.000	
13	Co Mạ	46.600.000		46.600.000	
14	É Tòng	27.800.000	82.136.000	109.936.000	
15	Long Hẹ	91.600.000	160.831.000	252.431.000	
16	Mường Bám	36.900.000	43.434.000	80.334.000	
17	Nậm Lầu	64.800.000		64.800.000	
18	Pá Lông	43.700.000	50.973.000	94.673.000	
19	Phổng Lập	13.900.000		13.900.000	
	Tổng cộng	904.200.000	337.374.000	1.241.574.000	

PHỤ LỤC

**Giao bổ sung kinh phí tiền thưởng đối với xã, bản đạt tiêu chuẩn
không có ma túy trong 3 năm liên tiếp giai đoạn 2017 - 2019**

(Kèm theo Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 10/11/2020 của Hội đồng nhân dân huyện Thuận Châu)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên xã	Xã đạt tiêu chuẩn		Bản đạt tiêu chuẩn		Tổng kinh phí bổ sung	Ghi chú
		Số lượng	Tiền thưởng	Số lượng	Tiền thưởng		
1	2	3	4	5	6	7=4+6	8
1	Chiềng Ly		-	4	20.000.000	20.000.000	
2	Liệp Tè		-	6	30.000.000	30.000.000	
3	Tông Lạnh		-	2	10.000.000	10.000.000	
4	Bó Mười		-	3	15.000.000	15.000.000	
5	Bon Phặng		-	2	10.000.000	10.000.000	
6	Chiềng Ngàm		-	7	35.000.000	35.000.000	
7	Chiềng Pha		-	1	5.000.000	5.000.000	
8	Mường É		-	2	10.000.000	10.000.000	
9	Mường Khiêng		-	17	85.000.000	85.000.000	
10	Muối Nội		-	1	5.000.000	5.000.000	
11	Nong Lay		-	3	15.000.000	15.000.000	
12	Phổng Lãng		-	3	15.000.000	15.000.000	
13	Phổng Lái		-	4	20.000.000	20.000.000	
14	Tông Cọ		-	3	15.000.000	15.000.000	
15	Chiềng Bôm		-	13	65.000.000	65.000.000	
16	Bản Lầm		-	1	5.000.000	5.000.000	
17	Co Mạ		-	9	45.000.000	45.000.000	
18	Co Tông	1	10.000.000	8	40.000.000	50.000.000	
19	É Tông		-	6	30.000.000	30.000.000	
20	Long Hẹ		-	10	50.000.000	50.000.000	
21	Mường Bám		-	5	25.000.000	25.000.000	
22	Nậm Lầu		-	14	70.000.000	70.000.000	
23	Pá Lông		-	3	15.000.000	15.000.000	
24	Phổng Lập		-	6	30.000.000	30.000.000	
Tổng cộng		1	10.000.000	133	665.000.000	675.000.000	

PHỤ LỤC

Giao bổ sung kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, thị trấn theo Thông tư 193/2014/TT-BTC ngày 12/12/2014 của Bộ Tài chính

(Kèm theo Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 10/11/2020 của Hội đồng nhân dân huyện Thuận Châu)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên xã	Kinh phí bổ sung	Ghi chú
1	2	3	4
1	Chiềng Ly	25.064.000	
2	Chiềng Pắc	18.316.000	
3	Liệp Tè	11.568.000	
4	Tông Lạnh	38.500.000	
5	Thôm Mòn	29.884.000	
6	Thị trấn	14.460.000	
7	Bó Mười	8.676.000	
8	Bon Phặng	12.532.000	
9	Chiềng La	13.496.000	
10	Chiềng Ngâm	3.856.000	
11	Chiềng Pha	20.244.000	
12	Mường É	18.316.000	
13	Mường Khiêng	11.568.000	
14	Muổi Nội	8.676.000	
15	Nong Lay	12.532.000	
16	Phổng Lãng	19.280.000	
17	Phổng Lái	15.424.000	
18	Púng Tra	24.100.000	
19	Tông Cọ	14.460.000	
20	Chiềng Bôm	14.460.000	
21	Bản Lầm	4.820.000	
22	Co Mạ	6.748.000	
23	É Tòng	5.784.000	
24	Long Hẹ	7.712.000	
25	Mường Bám	23.136.000	
26	Nậm Lầu	6.748.000	
27	Phổng Lập	9.640.000	
	Tổng cộng	400.000.000	

